

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2023/HS-ST

Ngày: 16-5-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH Nam Định

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Kiểm

Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Anh Tuấn

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Trần Trọng Đại

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn N, sinh năm 1997; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi ĐKTT: Thôn C, xã K, huyện U, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Tự do; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Đoàn Thị L, sinh năm 1972; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; Có vợ là Nguyễn Thị X, sinh năm 1997; có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/02/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định. (Có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N theo Điều 76 BLTTHS: Ông Lại Đức T – Luật sư thuộc VPLS IQS thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nam Định. (Có mặt)

*Người làm chứng:

1. NLC1; (Văng mặt)
2. NLC2; (Văng mặt)
3. NLC3; (Văng mặt)
4. NLC4. (Văng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 03/2020 đến tháng 04/2020, Nguyễn Văn N sử dụng tài khoản Facebook “Gì Tôi Tên” do N đăng ký, quản lý sử dụng liên hệ với tài khoản Facebook “Song Long Tài Chính” và “Tài Chính Chí Linh” của NLC1, NLC2, NLC3 nhiều lần đặt mua tiền giả, loại mệnh giá 500.000 đồng theo tỷ lệ 1:6 (một triệu tiền thật mua được sáu triệu tiền giả). Quá trình nhắn tin, giao dịch, N cung cấp hình ảnh cá nhân, ảnh CMND số 132451553 của N cho NLC1, NLC2 để tạo dựng lòng tin. Sau khi bàn bạc, các đối tượng thống nhất, tiền giả sẽ được cất giấu trong hộp bưu kiện và gửi đến địa chỉ do N cung cấp là Nguyễn N, 42 Võ Thị Sáu, Hai Bà Trưng, Hà Nội, SĐT 0368.860.866 và Nguyễn Xuân Quang, số 18, ngõ 218, Long Biên, Hà Nội, SĐT 0862.896.288 thông qua dịch vụ chuyển phát hàng thu tiền hộ (ship COD) của bưu điện và không được kiểm tra hàng trước khi thanh toán. N đã đặt mua tiền giả từ NLC1, NLC2 và NLC3, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: N đặt mua 18.000.000 đồng tiền giả với giá 3.000.000 đồng tiền thật của NLC1, NLC2. Ngày 23/3/2020, NLC1, NLC2 gửi cho N bưu kiện chứa tiền giả có mã vận đơn EC427454690VN. Đến ngày 25/03/2020, N nhận được bưu kiện này từ bưu tá tại địa chỉ 42 Võ Thị Sáu, Hai Bà Trưng, Hà Nội và trả cho bưu tá số tiền 3.075.000 đồng.

Lần thứ hai: N đặt mua 6.000.000 đồng tiền giả với giá 1.000.000 đồng tiền thật. Ngày 04/4/2020, NLC1, NLC2 gửi cho N bưu kiện chứa tiền giả có mã vận đơn EC427457360VN. Đến ngày 06/4/2020, N đến trực tiếp bưu cục Hai Bà Trưng 1 để nhận bưu kiện trên và trả cho nhân viên bưu cục số tiền 1.040.000 đồng.

Lần thứ ba: N đặt mua 6.000.000 đồng tiền giả với giá 1.000.000 đồng tiền thật của NLC3. Ngày 06/4/2020, NLC3 gửi cho N bưu kiện chứa tiền giả có mã vận đơn EC427457104VN. Đến ngày 08/4/2020, N đến trực tiếp bưu cục Hai Bà Trưng 1 để nhận bưu kiện trên và trả cho nhân viên bưu cục số tiền 1.040.000 đồng.

Lần thứ tư: N đặt mua 18.000.000 đồng tiền giả với giá 3.000.000 đồng tiền thật của NLC1, NLC2. Ngày 06/4/2020, NLC1, NLC2 gửi cho N bưu kiện chứa tiền giả có mã vận đơn EC427457183VN. Đến ngày 10/4/2020, N đến trực tiếp bưu cục Hai Bà Trưng 1 để nhận bưu kiện trên và trả cho nhân viên bưu cục số tiền 3.046.000 đồng.

Lần thứ năm: N đặt mua 12.000.000 đồng tiền giả với giá 2.000.000 đồng tiền thật của NLC1, NLC2. Ngày 06/4/2020, NLC1, NLC2 gửi cho N bưu kiện chứa tiền giả có mã vận đơn EC427457020VN. Đến ngày 10/4/2020, N đến trực tiếp bưu cục Hai Bà Trưng 1 để nhận bưu kiện trên và trả số tiền 2.046.000 đồng.

Lần thứ sáu: N đặt mua 18.000.000 đồng tiền giả với giá 3.000.000 đồng tiền thật của NLC1, NLC2. Ngày 10/4/2020, NLC1, NLC2 gửi cho N bưu kiện chứa tiền giả có mã vận đơn EG424102901VN. Đến ngày 11/4/2020, N đến trực tiếp bưu cục Hai Bà Trưng 1 để nhận bưu kiện trên và trả cho nhân viên bưu cục số tiền 3.030.000 đồng.

Lần thứ bảy: N đặt mua 18.000.000 đồng tiền giả với giá 3.000.000 đồng tiền thật của NLC1, NLC2. Ngày 11/4/2020, NLC1, NLC2 gửi cho N bưu kiện chứa tiền giả có mã vận đơn EG424103249VN. Đến ngày 13/4/2020, N đến trực tiếp bưu cục Hai Bà Trưng 1 để nhận bưu kiện trên và trả cho nhân viên bưu cục số tiền 3.030.000 đồng.

Lần thứ tám: N đặt mua 18.000.000 đồng tiền giả với giá 3.000.000 đồng tiền thật của NLC1, NLC2. Ngày 13/4/2020, NLC1, NLC2 gửi cho N bưu kiện chứa tiền giả có mã vận đơn EV421948476VN. Đến ngày 14/4/2020, N đến trực tiếp bưu cục Hai Bà Trưng 1 để nhận bưu kiện trên và trả cho nhân viên bưu cục số tiền 3.030.000 đồng.

Sau mỗi lần mua được tiền giả, N cất giấu tại góc lửng phòng trọ của N tại địa chỉ: Số 44, ngõ 419, phường Lĩnh Nam, thành phố Hà Nội. Sau đó, N sử dụng tài khoản Facebook “Gì Tôi Tên” đăng bài quảng cáo, tìm kiếm người có nhu cầu mua tiền giả trong nhóm Facebook “Tham Gia Là Có Tiền” với mục đích bán lại số tiền giả đã mua được theo tỷ lệ 1:4 (*một triệu tiền thật mua được bốn triệu tiền giả*) để kiếm lời, với hình thức giao dịch trực tiếp trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tổng số tiền giả N mua 08 lần là 114.000.000 đồng, N đã bán tiền giả cho khoảng hơn 10 người đều ở địa bàn thành phố Hà Nội (*Nam không nhớ được thông tin, địa chỉ, con người cụ thể*), trong đó đã bán cho NLC4, sinh năm 2001, nơi thường trú: Xóm 3, Văn Quan, Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội, cụ thể: Khoảng tháng 4/2020, NLC4 sử dụng tài khoản Facebook “NLC4” nhắn tin với tài khoản Facebook “Gì Tôi Tên” của Nguyễn Văn N hỏi mua 16.000.000 đồng tiền giả, loại mệnh giá 500.000 đồng với giá 4.000.000 đồng tiền thật. Tối cùng ngày, N đến địa chỉ do

NLC4 cung cấp tại xóm 3 Văn Quán, Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội. Sau đó, N sử dụng số điện thoại 0368.860.866 gọi cho NLC4 đến địa điểm đã hẹn để giao dịch bán tiền giả. Sau khi mua được tiền giả của Nam, NLC4 bán lại cho các đối tượng khác có nhu cầu thông qua mạng xã hội Facebook. Hành vi mua, bán tiền giả của NLC4 đã bị Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố Hà Nội phát hiện xử lý vào năm 2020.

Lần thứ chín, N đặt mua 18.000.000 đồng tiền giả, loại mệnh giá 500.000 đồng với giá 3.000.000 đồng tiền thật của NLC1, NLC2. Riêng lần này, N cung cấp thông tin người nhận là Nguyễn Xuân Quang, số 18 Ngõ 128, Long Biên, Hà Nội; số điện thoại 0862.896.288. Ngày 13/4/2020, NLC1, NLC2 gửi cho N bưu kiện chứa tiền giả có mã vận đơn EV421948445VN, tuy nhiên đến ngày 23/7/2020, N mới nhận được bưu kiện trên tại bưu cục Hoàng Mai 3 và trả cho nhân viên bưu cục số tiền 3.030.000 đồng. Đối với số tiền mua lần này, do không có ý định bán cho người khác nên N đã tiêu hủy hết.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn N khai nhận: Quá trình giao dịch, mua bán tiền giả cùng với N còn có Nguyễn Xuân Long, sinh năm 1988, HKTT: Xóm Liên Minh, xã Thanh Liên, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An là người thuê trọ cùng tham gia. N và Long thống nhất, việc tìm kiếm nguồn để mua tiền giả do N thực hiện. Long là người đưa tiền cho N mua tiền giả, khi bán được tiền giả cho người có nhu cầu, tiền thật thu về Long là người quản lý. Sau này, tiền thật để mua tiền giả và tiền thu về từ việc bán tiền giả được N và Long chia đều cho nhau. Khi mua được tiền giả, N là người trực tiếp đăng bài quảng cáo, tìm kiếm người có nhu cầu mua tiền giả trên mạng xã hội Facebook, có một số lần là Long thực hiện. Khi tìm được người mua tiền giả, N và Long đi cùng nhau trực tiếp giao dịch, bán tiền giả cho người mua.

Quá trình làm việc với CQĐT, Nguyễn Xuân Long phủ nhận toàn bộ nội dung khai báo của N về mình. Long khẳng định bản thân không biết, không tham gia vào việc mua bán tiền giả của Nam. CQĐT đã cho Nguyễn Xuân Long và Nguyễn Văn N đối chất, kết quả: Long và N giữ nguyên lời khai của mình, N không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc Long tham gia mua, bán tiền giả cùng mình.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKS-P1 ngày 05/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố Nguyễn Văn N về tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả” theo khoản 3 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (Sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Bị cáo bị đưa ra xét xử là đúng người, đúng tội,

không oan. Tuy nhiên, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về đoàn tụ cùng gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3, khoản 5 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 12 năm 06 tháng đến 13 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”. Về hình phạt bổ sung: đề nghị phạt tiền bị cáo từ 5 đến 10 triệu đồng. Đề nghị truy thu của bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 28.500.000 đồng

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N có quan điểm: Nhất trí về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo N theo bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định. Tuy nhiên, cần xem xét đến tình tiết giảm nhẹ bị cáo đã rất thành khẩn khai báo trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa; bản thân bị cáo có trình độ văn hóa thấp, có hai con còn nhỏ. Đề nghị HĐXX xem xét, cân nhắc đến tổng thể vụ án liên quan đến các đối tượng NLC1, NLC3, NLC2 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử trước đó cùng với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để có một mức án phù hợp thể hiện sự khoan hồng của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó có căn cứ xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ kết luận: Nguyễn Văn N đã thực hiện hành vi giao dịch mua của NLC1, NLC2 và NLC3 09 lần tiền giả, tổng số là 132.000.000 đồng đều có mệnh giá 500.000 đồng, sau mỗi lần mua được tiền giả N mang về nhà cất giấu, sau đó N đã giao dịch bán tổng số 114.000.000 đồng tiền giả cho

nhiều đối tượng trên địa bàn thành phố Hà Nội, thu về tổng số 28.500.000 đồng tiền thật. Số tiền này N đã sử dụng để mua tiền giả và chi tiêu cá nhân. Số tiền giả còn lại 18.000.000 đồng N không bán lại cho người khác mà tự tiêu hủy hết. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả” tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 207 BLHS. Nên, quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ.

[3] Đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động quản lý tài chính, tiền tệ của Nhà nước, gây NLC1 hại lớn đến việc lưu thông tiền tệ trong thị trường, dẫn đến bất ổn cho nền kinh tế và gây mất trật tự trị an xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn N nhiều lần thực hiện hành vi tàng trữ, lưu hành tiền giả nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi của mình. Bị cáo đã có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 2 năm 2020 nên Nguyễn Văn N được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Đánh giá mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi nên đã cố ý tàng trữ 132.000.000 đồng tiền giả và đem đi bán tổng 114.000.000 đồng tiền giả thu lời 28.500.000 đồng. Sau khi HĐXX xem xét, cân nhắc tổng thể vụ án cũng như mức độ hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân của bị cáo thấy rằng cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm mục đích trừng trị, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm; với mức hình phạt như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mới tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hành vi lưu hành tiền giả để kiếm lời nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Trách nhiệm dân sự: Truy thu của bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 28.500.000 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) là số tiền bị cáo đã chiếm hưởng được từ việc bán tiền giả.

[8] Các tình tiết khác trong vụ án:

[8.1] Đối với NLC4: Hành vi mua 16.000.000 đồng tiền giả từ Nguyễn Văn N của NLC4 đã bị Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố Hà Nội đề nghị truy tố theo Bản kết luận điều tra vụ án hình sự số 10/ANĐT-ĐT, ngày 15/9/2020

về tội: “*Lưu hành tiền giả*” quy định tại Điều 207 BLHS. Hiện nay, NLC4 đang thi hành án tại Phân trại số 3, Trại giam Vĩnh Quang, Bộ Công an. Do vậy, CQĐT không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với NLC4 trong vụ án này.

[8.2] Đối với Nguyễn Xuân Long, ngoài lời khai của Nguyễn Văn N khai nhận Long tham gia giao dịch mua bán tiền giả cùng Nam, không có tài liệu khác chứng minh Nguyễn Xuân Long có hành vi tàng trữ, lưu hành tiền giả. Do đó, cơ quan điều tra không xử lý do không đủ căn cứ là phù hợp

[8.3] Đối với các đối tượng còn lại đã mua tiền giả của Nguyễn Văn N do không xác định được thông tin, con người cụ thể. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ tiến hành điều tra, xác minh đối với các đối tượng này

[8.4] Đối với NLC1, NLC3 và NLC2, là người bán tiền giả cho Nguyễn Văn N, NLC1 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử về tội “*Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả*”. Do vậy, không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự của đối tượng trong vụ án này

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “*Tàng trữ, lưu hành tiền giả*”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2023.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 207 BLHS. Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn N 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Truy thu của bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 28.500.000 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Công an tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Kiểm